TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 190/2018/DS-PT
Ngày**:** 22 – 10 - 2018
V/v tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Võ Thị Hồng Mai.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh***: Ông Trần Văn Sự, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2018 về việc: "Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2018/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 130/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973; chị Đặng Kim H, sinh năm 1976; cùng cư trú tại: Ấp C, xã C1, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*:

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1928; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

+ Bà Trần Thị N, sinh năm 1937; chết ngày 18-8-2018.

+ Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1979; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Ấp C, xã C1, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp C, xã C1, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Nguyễn Thanh T, chị Đặng Kim H trình bày:

Vào ngày 30-11-2014, vợ chồng anh có nhận thế chấp của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị N và anh Nguyễn Thành Đ một phần đất ruộng có diện tích khoảng 01 mẫu, tọa lạc tại ấp C, xã C1, huyện G, tỉnh Tây Ninh với số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), thời hạn thế chấp là 05 năm tính từ ngày 30-11-2014 đến ngày 30-11-2019. Việc thế chấp được làm giấy tay "Hợp đồng thế đất", có ông C, anh Đ, bà N, chị Phan Thị X (là bạn gái của anh Đ) và vợ chồng anh cùng ký tên. Việc ký hợp đồng thế đất có sự chứng kiến của Trưởng ban quản lý ấp C.

Tuy nhiên, khi chưa hết hạn hợp đồng, vợ chồng anh nhận được Thông báo số: 562/TB-THADS ngày 05-9-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nội dung cho biết phần đất ruộng mà ông C, anh Đ và bà N thế chấp cho vợ chồng anh đã bị kê biên để thi hành án trả nợ cho người khác.

Nay vợ chồng anh khởi kiện yêu cầu anh Đ, ông C và bà N trả lại cho vợ chồng anh 200.000.000 đồng tiền thế chấp đất ruộng, không yêu cầu tính lãi suất, không yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng, không yêu cầu bồi thường do vi phạm hợp đồng. Đối với chị Phan Thị X (là bạn gái của anh Đ), chỉ ký tên vào hợp đồng là người làm chứng nên vợ chồng anh không yêu cầu gì đối với chị X.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông thừa nhận có việc thế chấp phần đất ruộng như anh T đã trình bày là đúng. Ông đồng ý trả lại số tiền thế chấp cho vợ chồng anh T là 200.000.000 đồng. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thành Đ đã được Tòa án triệu tập và tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Chị là con gái của ông C và bà N, cha mẹ chị chỉ có hai người con là chị và anh Đ. Việc cha mẹ chị và anh Đ thế chấp đất để vay tiền của anh T, chị H thì chị không biết và không có liên quan vì phần đất này là do cha mẹ đã chia cho anh Đ, hiện anh Đ đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2018/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 297, 715, 717 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T và chị Đặng Kim H đối với ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị N và anh Nguyễn Thành Đ về việc "Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án".

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị N và anh Nguyễn Thành Đ có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Thanh T và chị Đặng Kim H số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng). Trong đó, ông C và bà N có nghĩa vụ trả số tiền là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); anh Đ có nghĩa vụ trả số tiền là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho anh T và chị H.

Ghi nhận anh T, chị H không yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng, không yêu cầu bồi thường do vi phạm hợp đồng và cũng không yêu cầu tính lãi suất.

2. Án phí: Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị N phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thành Đ phải chịu: 5.000.000 (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh T được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu số: 0012620 ngày 13-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật Thi hành án Dân sự.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh có Quyết định số: 01/QĐKNPT-VKS-DS, về việc kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm vì lý do: Bản án sơ thẩm không tuyên buộc ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị N, anh Nguyễn Thành Đ có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Thanh T và chị Đặng Kim H 200.000.000 đồng tiền thế chấp ruộng đất, mà chỉ tuyên buộc ông C, bà N và anh Đ thực hiện nghĩa vụ riêng rẽ là vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện G và phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Bị đơn là anh Đ đã được Tào án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; những người tham gia tố tụng còn lại thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, vắng mặt nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh; sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn - anh Nguyễn Thành Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Đ.

[1.2] Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 18-8-2018, bà Trần Thị N chết, do đó Tòa án cấp phúc thẩm đưa con của ông C và bà N là chị Nguyễn Thị Ngọc L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Anh Nguyễn Thanh T, chị Đặng Kim H, ông Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Ngọc L cùng có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh T, chị H, ông C và chị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vợ chồng anh Nguyễn Thanh T và chị Đặng Kim H có nhận thế chấp của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị N và anh Nguyễn Thành Đ một phần đất có diện tích khoảng 01 mẫu trong thời hạn 05 năm (từ ngày 30-11-2014 đến ngày 30-11-2019) với giá thế chấp là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, trên thực tế vợ chồng anh T chỉ trực tiếp canh tác phần đất có diện tích 6.093,5 m^2 thuộc thửa số 82, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại ấp C, xã C1, huyện G, phần diện tích còn lại ngập nước trồng rau nên vợ chồng anh T không sử dụng. Phần đất thế chấp do anh Nguyễn Thành Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại phần đất này, Chi cục Thi hành Dân sự huyện G ra Quyết định số: 52/QĐ-CCTHADS ngày 10-8-2017 về

việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thi hành án.

[2.2] Tại Giấy đặt cọc tiền thế đất ruộng ngày 10-3-2014 âm lịch thể hiện ông C và anh Đ có ký tên nhận trước 50.000.000 đồng tiền cọc (trong tổng số tiền thế chấp 200.000.000 đồng) để thế chấp 01 mẫu đất ruộng cho vợ chồng anh T, chị H. Tại Hợp đồng thế đất ruộng đề ngày 30-11-2014 thể hiện: Ông C và anh Đ có ký nhận đủ 200.000.000 đồng tiền thế chấp đất như đã nêu trên. Hai bên thỏa thuận khi hết hạn hợp đồng, bên thế chấp trả lại tiền cho bên nhận thế chấp và bên nhận thế chấp trả lại đất ruộng cho bên thế chấp. Phần đất thế chấp, bên thế chấp để cho bên nhận thế chấp làm không và số tiền thế chấp không tính lãi suất. Hợp đồng được viết tay, có chữ ký của vợ chồng anh T, chị H, vợ chồng ông C, bà N, anh Đ với sự chứng kiến của bạn gái anh Đ là chị Phan Thị X và Trưởng ban quản lý ấp C.

[2.3] Tại các Biên bản lấy lời khai đề ngày 27-10-2017 và ngày 24-11-2017, ông C và bà N thừa nhận việc ông, bà và anh Đ có thế chấp một phần đất ruộng cho vợ chồng anh T, chị H với số tiền 200.000.000 đồng, trong thời hạn 05 năm như vợ chồng anh T trình bày, đồng thời ông C, bà N đồng ý cùng anh Đ trả lại 200.000.000 đồng tiền thế chấp cho vợ chồng anh T, chị H.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, chị H, buộc ông C, bà N và anh Đ trả cho anh T, chị H 200.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không buộc ông C, bà N và anh Đ cùng liên đới thực hiện trách nhiệm trả tiền thế chấp cho anh T, chị H là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh T, chị H. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện G kháng nghị bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngày 18-8-2018, bà Trần Thị N đã chết do bệnh già. Tòa án cấp phúc thẩm đưa những người thừa kế của bà N tham gia tố tụng, gồm có ông Nguyễn Văn C (chồng bà N), chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Nguyễn Thành Đ (con ruột bà N) để thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết (bà N). Cụ thể, buộc ông C và anh Đ có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng anh T, chị H số tiền thế chấp đất ruộng là 200.000.000 đồng. Chị L có trách nhiệm cùng thực hiện nghĩa vụ về tài sản (phần di sản) do bà N chết để lại (nếu có) theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Ghi nhận anh T, chị H không yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng, không yêu cầu bồi thường do vi phạm hợp đồng và cũng không yêu cầu tính lãi suất đối với ông C và anh Đ.

[6] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện G; sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Về án phí:

Anh T, chị H không phải chịu án phí sơ thẩm.

Ông C và anh Đ cùng phải chịu án phí sơ thẩm. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì ông C là người cao tuổi, thuộc trường hợp miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, án phí dân sự sơ thẩm chỉ có anh Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện G; sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2018/DS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ vào các Điều 297, 615, 715, 717 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T và chị Đặng Kim H đối với ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị N và anh Nguyễn Thành Đ về việc "Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án".

2.2. Buộc ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Thành Đ và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị N (ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Thành Đ, chị Nguyễn Thị Ngọc L) có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Thanh T và chị Đặng Kim H số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng). Trong đó, chị Nguyễn Thị Ngọc L chỉ thực hiện nghĩa vụ về tài sản (phần di sản) do bà N chết để lại (nếu có).

2.3. Ghi nhận anh T, chị H không yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng, không yêu cầu bồi thường do vi phạm hợp đồng và cũng không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Đ phải chịu 10.000.000 đồng tiền án phí sơ thẩm; ông C được miễn nộp án phí sơ thẩm.

- Anh T và chị H không phải chịu án phí sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện G hoàn trả cho anh T, chị H 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0012620 ngày 13-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Kim Sang